TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:64/2025/DSST
Ngày: 01/8/2025
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Nguyễn Kiên Hiển
2- Ông Nguyễn Bá Duy Phương

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thủy Trang - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Cao Thị Thùy Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS; ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPSGTT.

Trụ sở: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông TGT là người đại diện theo ủy quyền (Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà QNT, sinh năm 1958

Địa chỉ: Nguyễn Đình Chiểu, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.(Bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCPSGTT có ông TGT đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/01/2008, bà QNT có ký với Ngân hàng TMCPSGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng phát hành cho bà QNT loại thẻ Visa, số thẻ 472075 – 4135; Hạn mức: 70.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng 2.15%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 266.905.095 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay

bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 245.340.071 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 01/01/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 75.501.405 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 01/8/2025 là 478.237.173 đồng, trong đó: Nợ gốc: 75.501.405 đồng và Nợ lãi quá hạn: 402.735.768 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bị đơn bà T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 478.237.173 đồng, trong đó: Nợ gốc: 75.501.405 đồng và Nợ lãi quá hạn: 402.735.768 đồng.

- Về trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà QNT: Đã được Tòa án triệu tập để tự khai, hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu quan điểm: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ thỏa thuận của hợp đồng tín dụng hai bên ký kết phù hợp quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngân hàng khởi kiện bà QNT yêu cầu thanh toán nợ từ hợp đồng tín dụng nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 3 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2] Bị đơn bà QNT đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà QNT theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] **Về nội dung yêu cầu khởi kiện**: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 04/01/2008 có chữ ký xác nhận giữa bên cho vay là Ngân hàng và bên vay là bà QNT thể hiện Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà QNT với hạn mức 70.000.000 đồng.

[4] Thực hiện hợp đồng tín dụng, bà QNT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/01/2012, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà QNT, chuyển toàn bộ số nợ của bà QNT sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[5] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà QNT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu bà QNT thanh toán toàn bộ số nợ gốc 75.501.495 đồng là có căn cứ.

[6] Về lãi suất: Xét mức lãi suất 2,15%/tháng của bà QNT trong suốt quá trình vay là phù hợp Điều 22 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng và quy định pháp luật. Do bà QNT không thanh toán số nợ đúng thời hạn nên ngoài nợ gốc, bà QNT còn phải chịu lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (3.225%/năm), cụ thể là 402.735.768 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, bà QNT còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 02/8/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ vay.

[8] *Về án phí:*Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPSGTT về việc buộc bà QNT phải trả ngay tổng số tiền là 478.237.173 đồng (bốn trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi ba đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 04/01/2008, trong đó, nợ gốc là : 75.501.405 đồng và nợ lãi quá hạn: 402.735.768 đồng.

Bà QNT còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 02/8/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả dứt nợ vay.

2. Về án phí: Bà QNT phải chịu 23.129.486 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 9.594.057 đồng cho Ngân hàng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0006645 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCPSGTT và bà QNT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSNDKV1;
- Chi cục THADS KV1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành

TAND KHU VỰC 1

4NA010825.TL.QDBA
645